

Số: 127/BC-THCS

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2022

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2021-2022, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2022-2023 và định hướng quản lý công tác công khai trong cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 288/PGDĐT-TTr ngày 08/10/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện báo cáo công tác công khai và định hướng công tác công khai năm học tiếp theo theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT;

Trường Trung học cơ sở Vĩnh Hòa báo cáo công tác công khai năm học 2021-2022 và định hướng công tác công khai năm học 2022-2023 theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT như sau:

## PHẦN MỘT

### BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2021-2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

##### 1. Số lượng trường lớp, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh

###### a. Cán bộ, giáo viên nhân viên

Tổng số Cán bộ, giáo viên nhân viên năm học 2021-2022 là 60/45 nữ trong đó: Ban giám hiệu 03/01 nữ; Giáo viên 48/39 nữ; nhân viên hành chính 9/5 nữ

###### b. Học sinh

Tổng số học sinh đầu năm học 2021-2022 là 886/423 nữ, được biên chế thành 28 lớp. Số học sinh bình quân trên lớp là: 34 học sinh/lớp (không quá 45 HS/lớp theo quy định).

Số học sinh duy trì đến cuối học kỳ 2 năm học 2021-2022 là 838/418 nữ (chuyển đi 44 học sinh, chuyển đến 06 học sinh, bỏ học 08 học sinh)

##### 2. Tình hình chất lượng đội ngũ

- Cán bộ quản lý: 03/01 nữ; đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 03/03 đạt tỷ lệ 100%



- Giáo viên: 48/39 nữ; đạt chuẩn trình độ là 46/48 đạt tỷ lệ 95,83% dưới chuẩn, (Trình độ CĐSP) 02/48 chiếm tỷ lệ 4,16%

- Nhân viên hành chính phục vụ: 9/05 nữ, đạt chuẩn 100% theo vị trí việc làm.

### **3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất**

Trong năm học 2021-2022, nhà trường duy trì tốt công tác trùng tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, công tác đầu tư được thực hiện đảm bảo kế hoạch tài chính của nhà trường, thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách.

Trong hè 2022 nhà trường được huyện Phú Giáo tổ chức sửa chữa cơ sở vật chất trong hè gồm: Thay cửa cổng trường từ cổng 02 cánh mở bản lề thành cổng có mơ tơ kéo; sửa chữa nhà bảo vệ.

Sửa chữa nhỏ từ ngân sách được giao năm 2022 gồm 27 vòi rửa vệ sinh; 02 lababo; 32 đèn chiếu sáng lớp học; 16 quạt treo tường, quạt trần lớp học.

Tất cả hồ sơ đề nghị, quyết toán được công khai và lưu trữ đúng quy định.

## **II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI TẠI NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021-2022**

### **1. Kết quả**

1.1. Nhà trường thực hiện hoàn thiện nội dung Biểu mẫu theo 09 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT về cam kết chất lượng giáo dục của Trường.

1.2. Nhà trường có thực hiện Biểu mẫu 10 về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường.

1.3. Nhà trường có thực hiện Biểu mẫu 11 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT về công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường.

1.4. Nhà trường có thực hiện Biểu mẫu 12 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trường.

1.5. Nhà trường có thực hiện công khai dự toán và các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

### **2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của Trường**

#### **a. Về hình thức công khai**

Nhà trường thực hiện công khai trên 03 hình thức gồm: Công khai trên website của nhà trường, công khai bằng hình thức niêm yết công khai tại bảng công khai nhà trường, công khai trong các kỳ họp HĐSP, riêng phần công việc công khai tại hội nghị ban đại diện CMHS chỉ thực hiện được việc phát tài liệu

công khai cho Phụ huynh học sinh nghiên cứu trước lúc tổ chức họp toàn thể phụ huynh học sinh toàn trường.

### **b. Nội dung công khai**

#### **- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế** **+ Cam kết chất lượng giáo dục**

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

#### **+ Chất lượng giáo dục thực tế**

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 10).

#### **+ Công khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Tổ chức công khai Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được trong năm và chu kỳ.

#### **+ Kiểm định nhà trường:**

Thực hiện công khai Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong năm học và theo chu kỳ kiểm định.

#### **- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường**

##### **+ Cơ sở vật chất**

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

##### **+ Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

Số lượng, chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

#### **- Công khai thu chi tài chính**

+ Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định.

+ Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

+ Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác trong năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

+ Công khai thông báo tạm thu học phí năm học 2022-2023 theo văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Công khai các khoản chi theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

### **c. Về chất lượng thông tin công khai**

Nhà trường thực hiện công khai đảm bảo theo kế hoạch, thông tin công khai được cán bộ, giáo viên nhân viên và phụ huynh học sinh quan tâm. Sau công khai nhà trường nhận được nhiều ý kiến đóng góp đặc biệt về chất lượng môn học ngoại ngữ và điều kiện cơ sở vật chất nhà trường, nhà trường có cơ sở để tham mưu đầu tư trong năm học tiếp theo.

## **PHẦN HAI**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2022-2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI TẠI NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022-2023**

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2022-2023**

##### **1. Khái quát tình hình nhà trường đầu năm học 2022-2023**

Tổng số lớp 25 lớp, học sinh: 885/447 nữ chia ra:

Khối 6: 06 lớp, 244/109 nữ

Khối 7: 05 lớp, 174/ 89 nữ

Khối 8: 07 lớp, 241/ 116 nữ

Khối 9: 07 lớp, 246/133 nữ

Công tác 02 buổi dự kiến tổ chức cho khối 8 và 9 với 487 học sinh

**2. Tình hình chất lượng đội ngũ: Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV các cấp học có trình độ trên chuẩn, đạt chuẩn, dưới chuẩn (theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, có hiệu lực ngày 01/7/2020)**

- Cán bộ quản lý: 03/01 nữ; đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 03/03 đạt tỷ lệ 100%

- Giáo viên: 48/39 nữ; đạt chuẩn trình độ là 46/48 đạt tỷ lệ 95,8% (Trình độ CĐSP) 02/48 chiếm tỷ lệ 4,2%

- Nhân viên hành chính phục vụ: 09/05 nữ, đạt chuẩn 100% theo vị trí việc làm.

### **3. Tình hình công khai đầu năm học 2022-2023**

Đầu năm học nhà trường thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) của trường như sau.

Đối với nội dung quy định tại Điều 4 và điểm a,c,d,đ khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử, công khai niêm yết lên bảng thông báo công khai nhà trường; công khai trong buổi họp HĐSP tháng 8/2022 vào ngày 01 tháng 8 năm 2022 đảm bảo 30 ngày theo quy định, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và được cập nhật bổ sung sau khi khai giảng năm học vào ngày 15/9/2022. Nhà trường có thực hiện ban hành quyết định công khai, biên bản niêm yết công khai như trên với thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT về mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm và dự kiến cho cả cấp học nhà trường thực hiện công khai như sau:

Công khai thông báo tạm dừng thu học phí năm học 2022-2023 chờ Nghị quyết mới theo công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương.

Tiếp tục công khai chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Công văn hướng dẫn số 220/PGDĐT-TC ngày 21/8/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong năm học.

Ngoài việc công khai như trên, nhà trường thực hiện phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh đối với học sinh khối lớp 6 trước khi tuyển sinh bằng tài liệu để cha mẹ học sinh nghiên cứu.

Đăng tài liệu dự thảo của Ban đại diện cha mẹ học sinh về kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch buổi 2; kế hoạch phối hợp giáo dục; thống nhất hình thức giáo dục và các khoản thu học phí, Bảo hiểm y tế học sinh lên zalo nhóm lớp cho cha mẹ học sinh nghiên cứu trước khi tổ chức họp phụ huynh học sinh toàn trường đầu năm học.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI TẠI NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022-2023**

### **1. Mục tiêu thực hiện công tác 3 công khai của nhà trường.**

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật

- Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý, tập thể giáo viên nhân viên nhà trường về trách nhiệm, tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện, thỏa thuận từ phụ huynh học sinh, nguồn tài trợ từ các cơ quan, đơn vị, cá nhân ngoài nhà trường đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tinh đoàn kết nội bộ tốt.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng đoàn kết nội bộ trong trường học.

## **2. Nội dung 3 công khai các theo yêu cầu Biểu mẫu công khai (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).**

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

+ Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

+ Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 10).

+ Công khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia

Tổ chức công khai Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được trong năm và chu kỳ.

+ Kiểm định nhà trường:

Thực hiện công khai Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong năm học và theo chu kỳ kiểm định.

- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

+ Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

+ Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
Số lượng, chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

- Công khai thu chi tài chính

+ Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

+ Công khai thông báo tạm dừng thu học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác trong năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

+ Công khai các khoản chi theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

+ Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

+ Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong năm học.

### **3. Định hướng các giải pháp thực hiện.**

#### **a. Hình thức:**

- Công khai trên website của nhà trường, và niêm yết công khai tại bảng công khai nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp hội đồng sư phạm, hội nghị ban đại diện CMHS và phát tài liệu công khai cho Phụ huynh học sinh nghiên cứu trước lúc tổ chức họp toàn thể phụ huynh học sinh toàn trường.

#### **b. Thời điểm công khai**

- Đối với nội dung quy định tại Điều 4 và điểm a,c,d,đ khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học là 31/6/2023 và đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học vào ngày 05 tháng 9 năm 2023 hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi theo nhu cầu thực tế vào cuối học kỳ I năm học 2022-2023.và niêm yết công khai tại bảng công khai nhà trường với thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

- Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT về mức thu học phí nếu có văn bản

mới và các khoản thu khác theo từng năm và dự kiến cho cả cấp học nhà trường thực hiện công khai như sau:

- Ngoài việc công khai như trên, nhà trường thực hiện phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh đối với học sinh khối lớp 6 trước khi tuyển sinh bằng tài liệu để cha mẹ học sinh nghiên cứu.

- Phát tài liệu nghiên cứu hoặc phổ biến cho học sinh, cha mẹ học sinh nghiên cứu trước khi tổ chức họp phụ huynh học sinh toàn trường đầu năm học.

- Trên đây là báo cáo công tác công khai năm học 2021-2022 và định hướng công tác năm học 2022-2023 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của trường Trung học cơ sở Vĩnh Hòa./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT Phú Giáo;
- BGH;
- Lưu: VT, CM.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Hoàng Đức Tú**



Số: 128/QĐ-THCS

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai  
Năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH HÒA**

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT – BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Xét phẩm chất, đạo đức, và năng lực của cán bộ, giáo viên nhân viên trường Trung học cơ sở Vĩnh Hòa,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai tại nhà Trường Trung học cơ sở Vĩnh Hòa năm học 2022-2023 gồm các ông bà (Có danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai của nhà trường làm việc theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2017/TT – BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thời gian thành lập và hoạt động từ tháng 9/2022 đến hết tháng 9/2023:

**Điều 3.** Các bộ phận chuyên môn, kế toán, văn phòng và cán bộ, giáo viên nhân viên trường THCS Vĩnh Hòa và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Như Điều 1;
- Lưu: VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Đức Tú**

**DANH SÁCH**  
**BAN CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY CHẾ 3 CÔNG KHAI**  
**CỦA TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA NĂM HỌC 2022-2023**

*(Kèm theo Quyết định số:128/QĐ-THCS ngày 22/9/2022)*

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm Sinh</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ được phân công</b>
1	Hoàng Đức Tú	1978	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Thu Yên	1981	Phó Hiệu trưởng	Phó Ban
3	Vũ Văn Đoàn	1964	Phó Hiệu trưởng	Phó Ban
4	Nguyễn Văn Chuẩn	1978	CNTT	Thư ký
5	Lâm Thị Hậu	1976	CT Công đoàn	Thành viên
6	Thái Bá Thuận	1976	TTND	Thành viên
7	Lê Thị Ái	1982	Kế toán	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thu Hương	1995	Thủ quỹ	Thành viên
9	Cao Thị Hằng	1974	Y tế	Thành viên

*Danh sách này gồm có 09 thành viên./.*

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**  
**Cho thành viên Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai**  
**Năm học 2022-2023**

*(Kèm theo Quyết định số: 128/QĐ-THCS ngày 22/9/2022)*

Căn cứ Quyết định số: 128/QĐ-THCS ngày 22/9/2022 của Trường THCS Vĩnh Hòa về việc Thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 129/KH-THCS VH ngày 22/9/2022 của Trường THCS Vĩnh Hòa về kế hoạch thực hiện Quy chế 3 công khai năm học 2022-2023;

Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế 3 công khai phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên như sau:

1. Ông Hoàng Đức Tú – Trưởng ban phụ trách chung, chỉ đạo và thực hiện Quy chế 3 công khai, chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, việc thực hiện 3 công khai trong nhà trường năm học 2022-2023.

2. Ông: Vũ Văn Đoàn – Phó ban ban chỉ đạo. Thực hiện cập nhật số liệu vào biểu mẫu 11, 12 ban hành kèm theo TT 36 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng hợp các biểu mẫu từ các bộ phận khác để tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức công khai theo kế hoạch quy định, lưu trữ hồ sơ biểu mẫu công khai theo kế hoạch.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Yên – Phó ban chỉ đạo chịu trách nhiệm cập nhật số liệu biểu mẫu số 09, 10 ban hành kèm theo TT 36 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện ghi nhận phản ánh nếu có, tham mưu cho Hiệu trưởng xử lý thông tin và ghi biên bản công khai, kết thúc công khai, tổng hợp hồ sơ Ban chỉ đạo văn thư lưu trữ đúng quy định.

4. Bà Lê thị Ái – Thành viên Thực hiện cập nhật số liệu các biểu mẫu công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

a. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

b. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác trong năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c. Công khai các khoản chi theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và

nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ. Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong năm học.

5. Bà Lâm Thị Hậu – Thành viên, thực hiện thu thập thông tin phản hồi về việc công khai, chỉ đạo TTND trường học giám sát việc công khai theo kế hoạch.

6. Ông Thái Bá Thuận – Thành viên, thực hiện giám sát công khai và tham mưu cho Hiệu trưởng xử lý thông tin phản hồi công khai theo kế hoạch.

7. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên, phụ trách công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong nhà trường.

8. Ông Nguyễn Văn Chuẩn – Thư ký có trách nhiệm kiểm tra, nhập dữ liệu các bảng công khai và đề nghị Hiệu trưởng duyệt nội dung để đăng tải lên Web site của trường theo quy định của kế hoạch.

9. Bà Cao Thị Hằng – Thành viên có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu công khai về điều kiện đảm bảo an toàn trường học, hồ sơ sức khỏe học sinh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tham mưu cho Trường ban triệu tập thảo luận, tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ, công khai minh bạch theo quy định./.

**TRƯỞNG BAN  
HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Đức Tú**

Số: 129 /KH-THCS

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Quy chế công khai**  
**Năm học 2022 - 2023**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 288/PGD&ĐT ngày 08/10/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Giáo về việc thực hiện công tác công khai từ năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo theo yêu cầu triển khai thực hiện 3 công khai theo Thông tư hướng dẫn số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS Vĩnh Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện “3 công khai” năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

Thực hiện công khai để cán bộ, giáo viên nhân viên, người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý, tập thể giáo viên nhân viên nhà trường về trách nhiệm, tinh thần cộng đồng trong công tác.

Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện, thỏa thuận từ phụ huynh học sinh, nguồn tài trợ từ các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nhà trường đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tình đoàn kết nội bộ tốt.

Thúc đẩy niềm tin cho cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng đoàn kết nội bộ trong trường học.

**II. Nội dung thực hiện ba công khai**

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**



### **a) Cam kết chất lượng giáo dục**

Điều kiện và đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

### **b) Chất lượng giáo dục thực tế**

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 10).

### **c) Công khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Tổ chức công khai Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được trong năm và chu kỳ.

### **d) Kiểm định nhà trường**

Thực hiện công khai Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong năm học và theo chu kỳ kiểm định.

## **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường**

### **a) Cơ sở vật chất**

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú nếu có, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

### **b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

Số lượng, chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## **3. Công khai thu chi tài chính**

a. Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm

2005 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

b. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác trong năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c. Công khai các khoản chi theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ. Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong năm học.

### **III. Hình thức và thời điểm công khai**

#### **1. Hình thức**

Công khai tại các buổi họp HĐSP; trên website của nhà trường, và niêm yết công khai tại bảng công khai nhà trường.

Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS và phát tài liệu công khai cho Phụ huynh học sinh nghiên cứu trước lúc tổ chức họp toàn thể phụ huynh học sinh toàn trường

#### **2. Thời điểm công khai**

Đối với nội dung quy định tại Điều 4 và điểm a,c,d,đ khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 năm 2022, khi kết thúc năm học 2022-2023, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học sau vào tháng 9/2023 và khi có thông tin mới hoặc thay đổi theo nhu cầu thực tế vào cuối học kỳ I.và niêm yết công khai tại bảng công khai nhà trường với thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 của Quy chế thực hiện công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT về mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm và dự kiến cho cả cấp học nhà trường thực hiện công khai như sau:

Ngoài việc công khai như trên, nhà trường thực hiện phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh đối với học sinh khối lớp 6 trước khi tuyển sinh bằng tài liệu để cha mẹ học sinh nghiên cứu.

Phát tài liệu nghiên cứu hoặc phổ biến cho học sinh, cha mẹ học sinh nghiên cứu trước khi tổ chức họp phụ huynh học sinh toàn trường đầu năm học.

### **V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo**



Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022 - 2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022 - 2023 trước 15/10/2022.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra của các cấp về việc thực hiện công khai trong nhà trường.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện 3 công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính năm học 2022- 2023 của trường THCS Vĩnh Hòa./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Website, Bảng TT;
- Công khai HDSP;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Hoàng Đức Tú**



**Biểu mẫu 09**

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO  
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành CTTH	Học xong lớp 6	Học xong lớp 7	Học xong lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học theo chương trình GDPT 2018.</li> <li>- Thực hiện chương trình học 35 tuần.</li> <li>- Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.</li> <li>- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2018.</li> <li>- Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học theo chương trình GDPT 2018.</li> <li>- Thực hiện chương trình học 35 tuần.</li> <li>- Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường</li> <li>- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2006.</li> <li>- Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học theo chương trình GDPT 2006 Hiện hành.</li> <li>- Thực hiện chương trình học 35 tuần.</li> <li>- Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường</li> <li>- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2006.</li> <li>- Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học theo chương trình GDPT 2006 Hiện hành.</li> <li>- Thực hiện chương trình học 35 tuần.</li> <li>- Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường</li> <li>- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2006.</li> <li>- Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật.</li> </ul>
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.</li> <li>- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.</li> <li>- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.</li> <li>- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.</li> <li>- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.</li> </ul>
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào Đội.</li> <li>- HĐNGLL.</li> <li>- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào Đội.</li> <li>- HĐNGLL.</li> <li>- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào Đội.</li> <li>- HĐNGLL.</li> <li>- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào Đội.</li> <li>- HĐNGLL.</li> <li>- GD Hướng nghiệp.</li> <li>- Tích hợp nội dung giáo dục giáo dục pháp luật,</li> </ul>

		nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực: + Giỏi: 33 % + Khá: 46 % + Trung bình: 18 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 93 % + Khá: 5 % + Trung bình: 2 %	- Năng lực: + Giỏi: 30 % + Khá: 38 % + Trung bình: 29 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 92 % + Khá: 6 % + Trung bình: 2 %	- Năng lực: + Giỏi: 30 % + Khá: 37 % + Trung bình: 30 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 90 % + Khá: 8 % + Trung bình: 2 %	- Năng lực: + Giỏi: 30 % + Khá: 38 % + Trung bình: 30 % + Yếu: 2 % - Phẩm chất: + Tốt: 95 % + Khá: 5 % + Trung bình: 0 % - Tốt nghiệp THCS: trên 98%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	70% THPT; 30% GDTX

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 09 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Hoàng Đức Tú**

**Biểu mẫu 10**

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO  
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	838	173	239	245	181
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	792 93,73%	171 97,16%	220 92,05%	234 95,51%	167 90,27%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	53 6,27%	5 2,84%	19 7,95%	11 4,49%	18 9,73%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	838	173	239	245	181
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	320 37,87%	82 46,59%	81 33,89%	93 37,96%	64 34,59%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	308 36,45%	59 33,52%	93 38,91%	90 36,73%	66 35,68%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	175 20,71%	30 17,05%	54 22,59%	51 20,82%	40 21,62%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	42 4,97%	5 2,84%	11 4,60%	11 4,49%	14 8,11%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	837	173	239	244	179
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	320 37,87%	82 46,59%	81 33,89%	93 37,96%	64 34,59%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	308 36,45%	59 33,52%	93 38,91%	90 36,73%	66 35,68%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,83	2	2	3	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,47	0	0	1/245	3/181
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/41	0/13	0/8	0/6	0/5
5	Bị đuổi học	00%	0 0	0 0	0 0	0 0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.90%	3	1	2	2
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>					
1	Cấp huyện					18
2	Cấp tỉnh/thành phố					1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>					<b>181</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>					<b>179</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					64 34,59%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					66 35,68%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					49 27,37%
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	838/424	89/87	112/116	115/130	95/90
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	21	9	8	2	2

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



**Hoàng Đức Tú**

**Biểu mẫu 11****PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO  
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	18	Số 1,02m <sup>2</sup> /1học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
5	Số phòng học bộ môn	2	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	02/01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	30 hs/01 lớp	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	7.396 m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2.666 m <sup>2</sup>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	640 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	81 m <sup>2</sup>	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	00	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy	04	

	định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	
2.1	Khối lớp 6	2	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	76	Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
<b>1</b>	<b>Ti vi</b>	1	0,035
<b>2</b>	<b>Cát xét</b>	4	0,14
<b>3</b>	<b>Đầu Video/đầu đĩa</b>	0	00
<b>4</b>	<b>Máy chiếu OverHead/projector/vật thể</b>	4	0,33
<b>5</b>	<b>Bảng tương tác thông minh</b>	06	00
<b>6</b>	<b>.....</b>		

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	00	0,035
2	Cát xét	4	0,14
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	00
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	64	0,33
5	Bảng tương tác.	0	00
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
--	----------	----------------------------

X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01		X		0,11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 09 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Hoàng Đức Tú**

**Biểu mẫu 12**

**PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO  
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>51</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>48</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>48</b>	<b>0</b>		<b>45</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>00</b>	<b>48</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>00</b>
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	7	0	0	7	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0
2	Lý	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	2	0	0
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	1	0	0
4	Sinh	4	0	0	4	1	0	0	1	3	0	4	3	0	0
5	Văn	8	0	0	8	0	0	0	2	6	0	8	6	0	0
6	Sử	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	2	0	0
7	Địa	2	0	0	1	1	0	0	1	1	0	2	1	0	0
8	Tiếng Anh	5	0	0	5	0	0	0	1	4	0	5	5	0	0
9	Công nghệ (Nữ công)	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	2	0	0
10	Âm nhạc	2	0	0	1	1	0	0	1	1	0	2	0	0	0
11	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
12	Thể dục	4	0	0	4	0	0	0	0	4	0	4	1	0	0
13	GDCD	2	0	0	2	0	0	0	0	1	0	2	1	0	0
14	Tin học	2	0	1	1	0	0	0	1	1	0	2	2	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	<b>01</b>	<b>0</b>
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	1	0	01	0



III	Nhân viên	9	0	0	1	0	2	4							
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0							
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0							
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0							
9	...														

Vĩnh Hòa, ngày 22 tháng 09 năm 2021

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Hoàng Đức Tú**

